CTCP Đầu tư - Thương mại - Thuỷ Sản (UPCOM: ICF)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,600
SL cổ phiếu LH	12,807,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,760
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
P/E	8.9
EPS	350

	YTD	1T	3T	6T
ICF	-8.8%	-11.4%	6.9%	-3.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

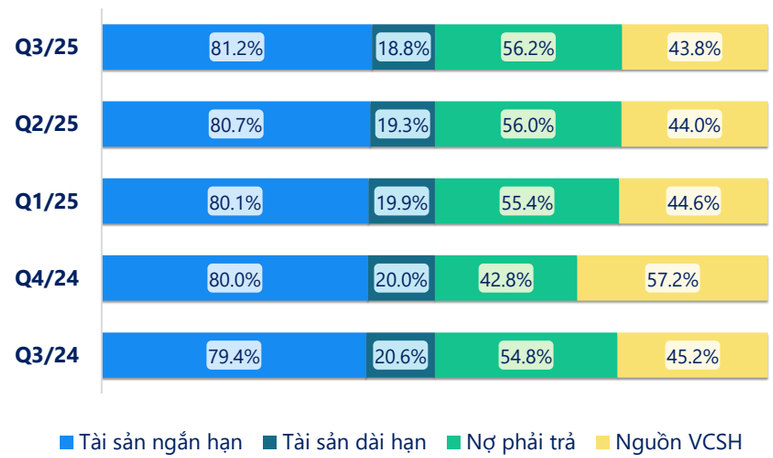

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

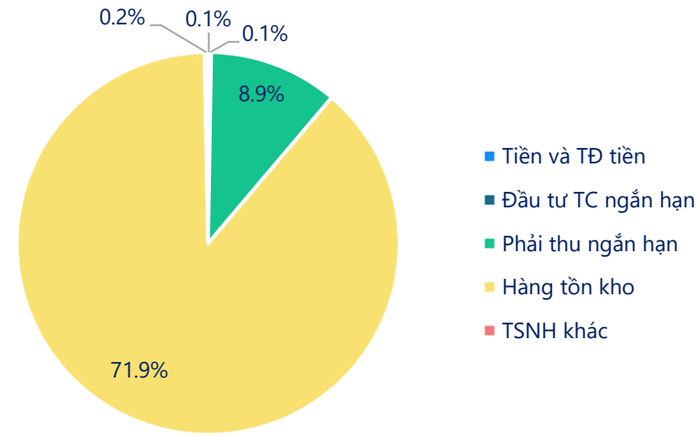

Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

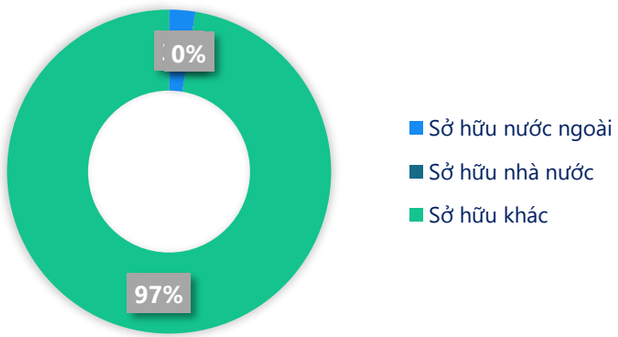

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

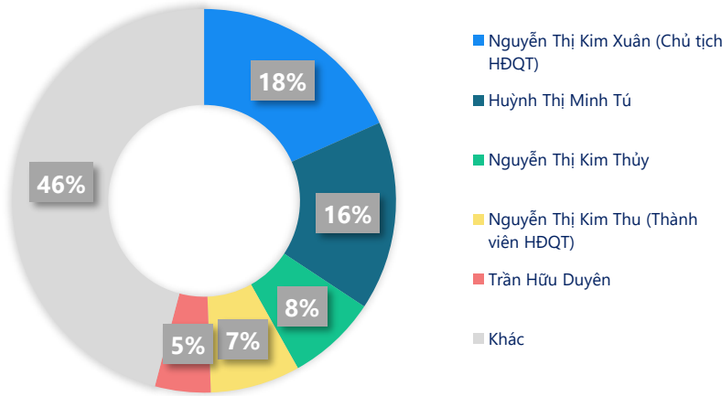

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

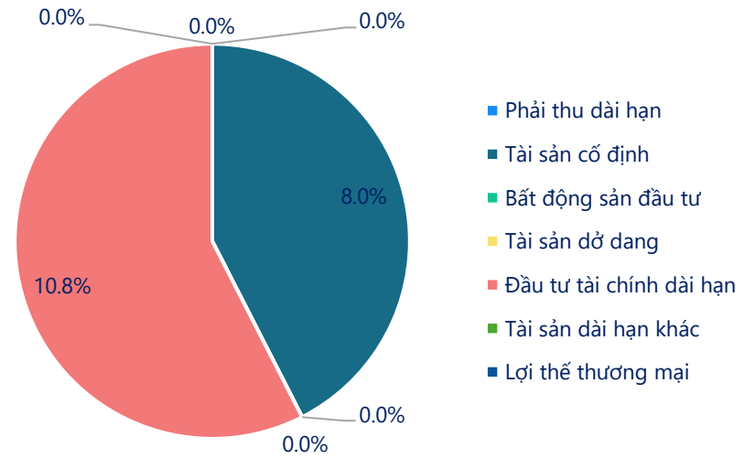

Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư - Thương mại - Thuỷ Sản (UPCOM: ICF)

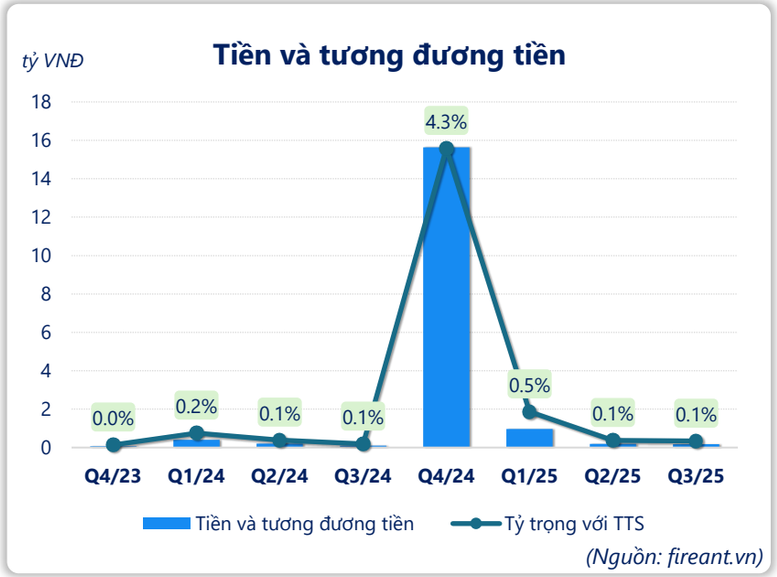

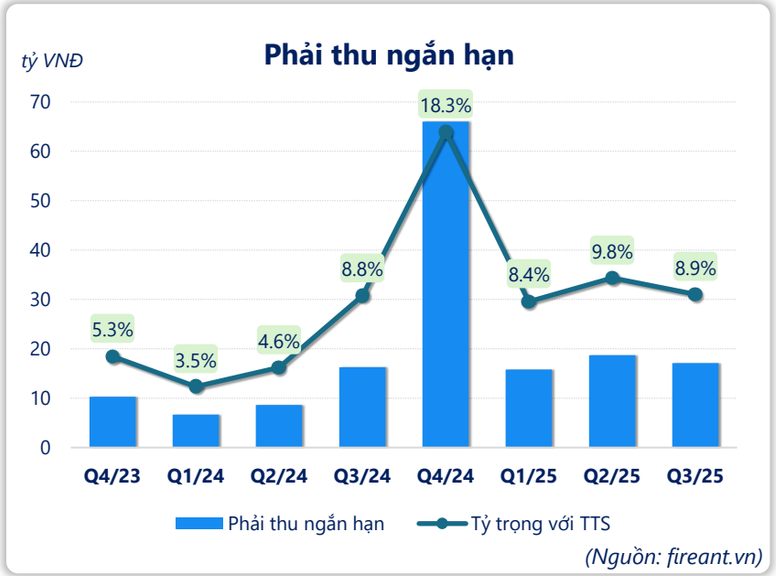

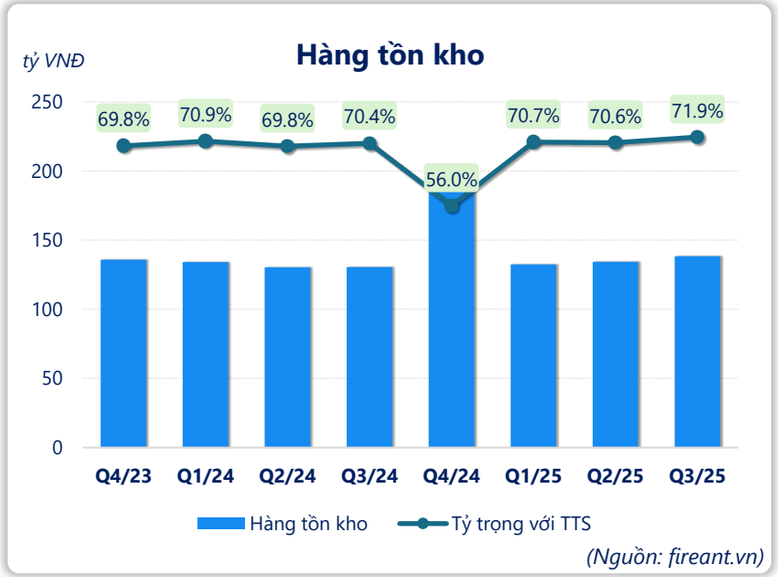

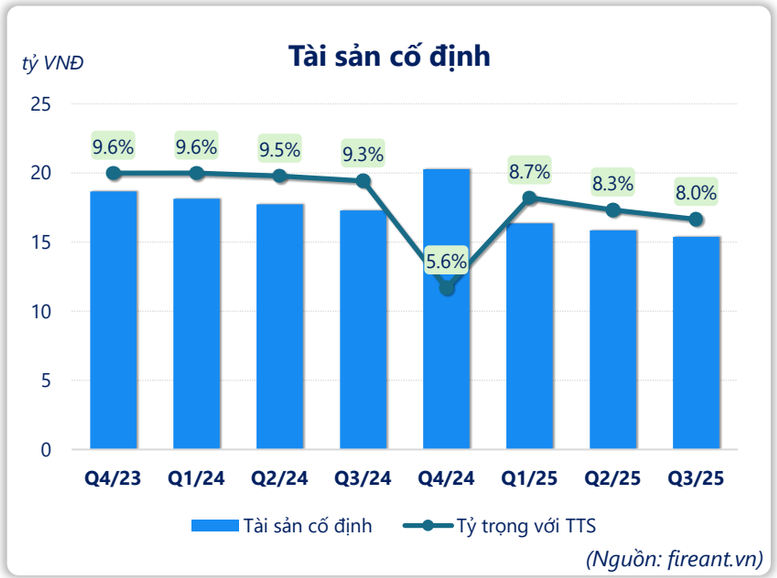

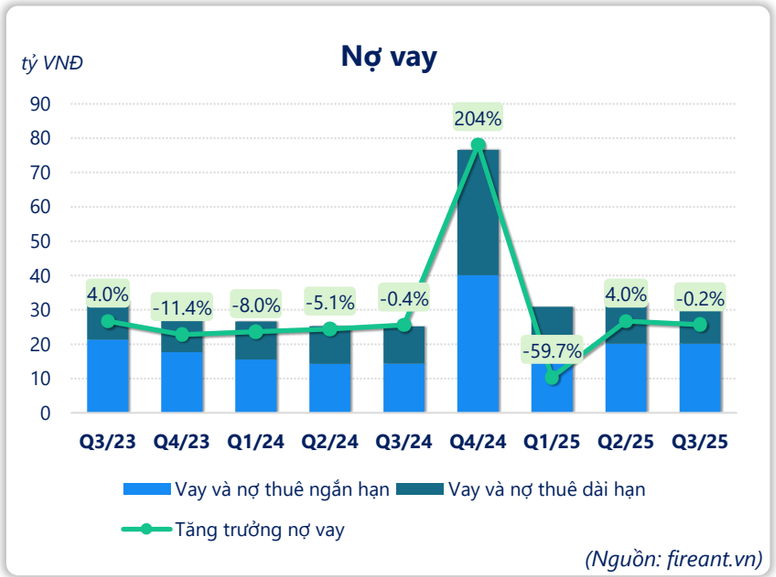

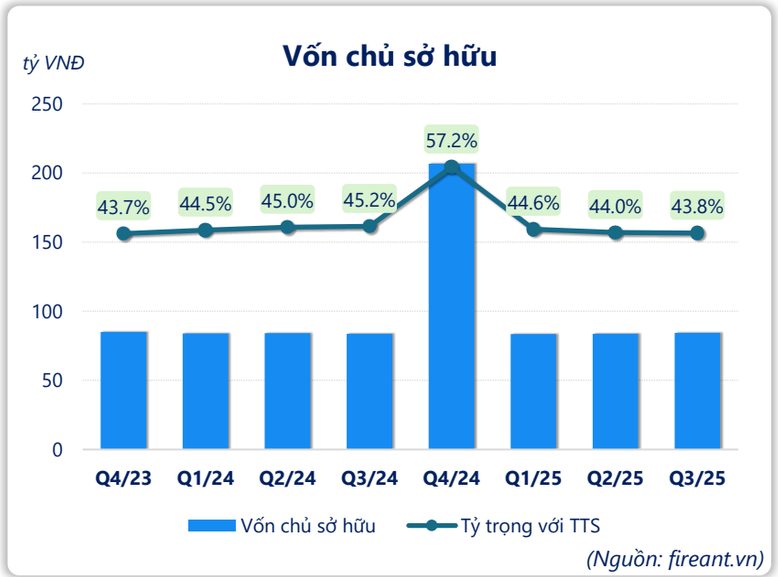

CTCP Đầu tư - Thương mại - Thuỷ Sản (UPCOM: ICF)

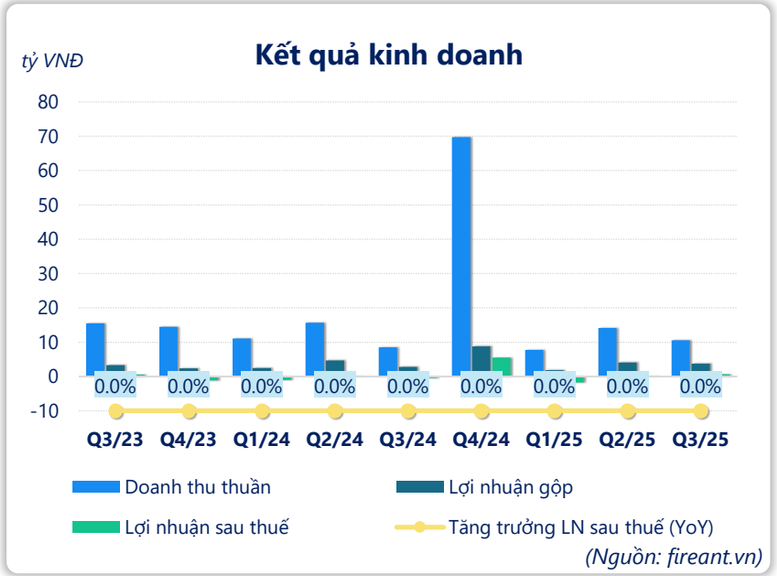

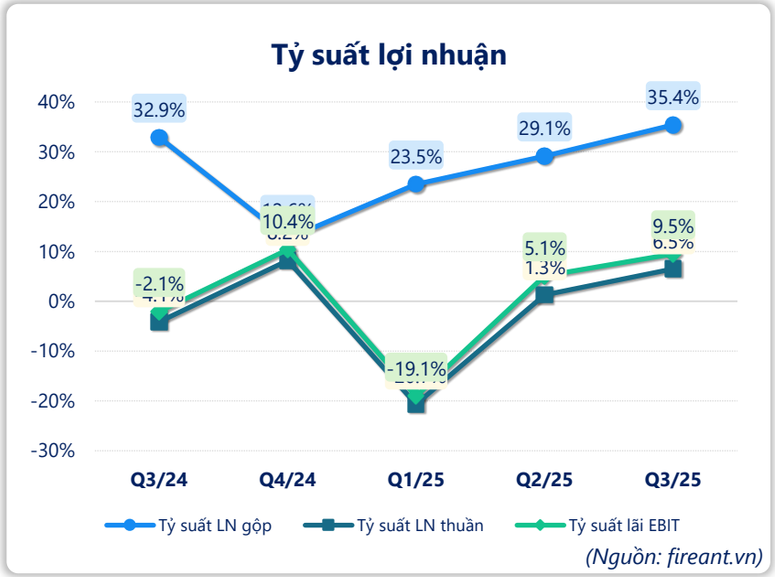

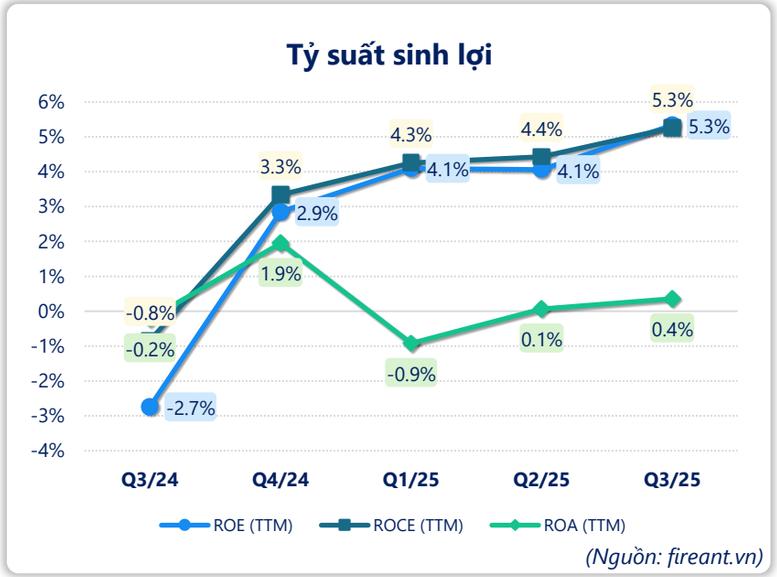

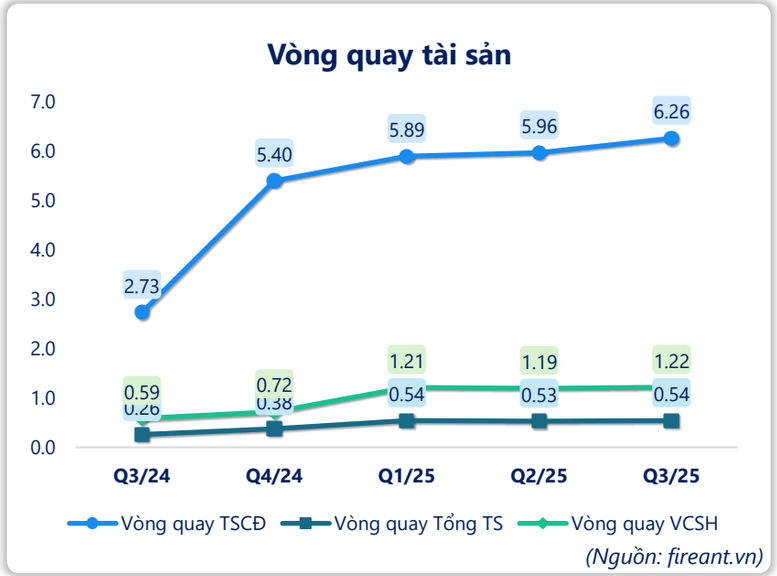

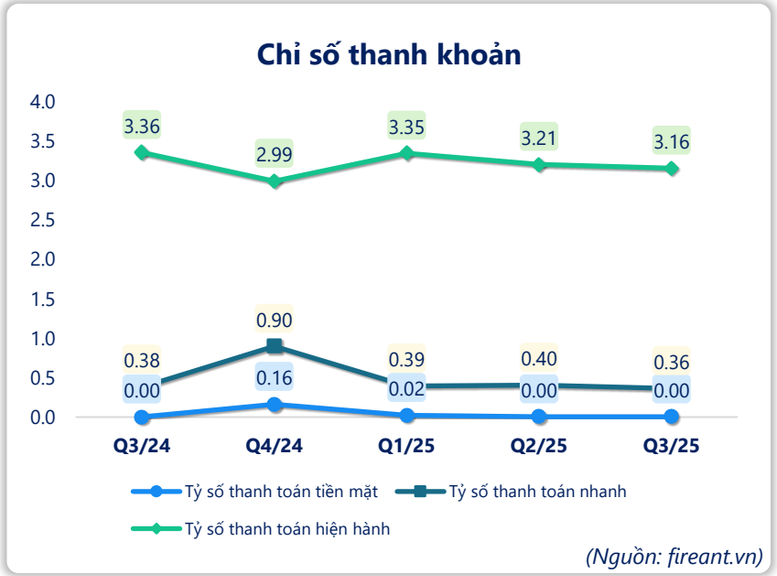

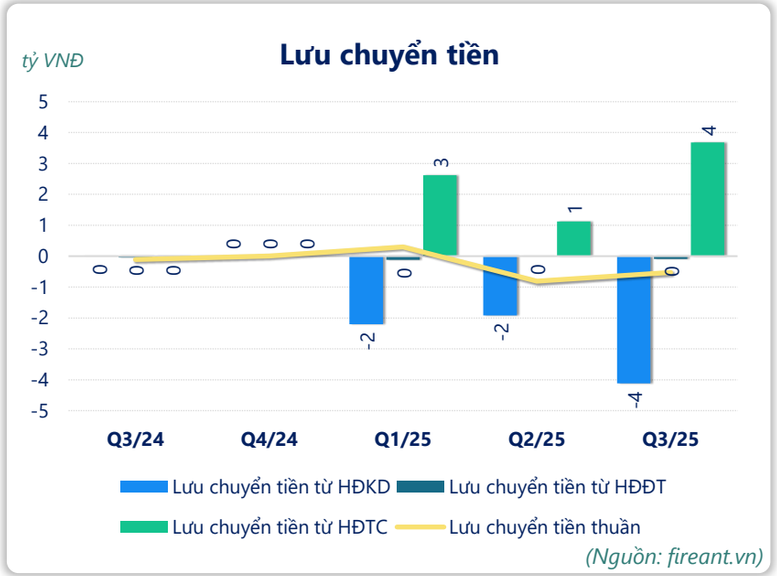

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư - Thương mại - Thuỷ Sản (UPCOM: ICF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**193**	**188**	**2.5%**
Tài sản ngắn hạn	156	150	4.0%
Tiền và tương đương tiền	0.18	0.67	-73.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.23	0.27	-14.3%
Phải thu ngắn hạn	17.1	18.0	-5.0%
Hàng tồn kho	138	131	5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.47	0.08	529%
Tài sản dài hạn	**36.2**	**37.6**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.4	16.8	-8.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.8	20.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	103	5.4%
Nợ ngắn hạn	**49.5**	**43.7**	**13.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.1	16.2	24.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.8	12.9	-8.7%
Nợ dài hạn	58.7	58.9	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.9	12.1	-1.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**84.4**	**85.3**	**-1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**84.4**	**85.3**	**-1.1%**
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	8.47	69.8	7.76	14.1	10.6
Giá vốn hàng bán	5.69	61.0	5.93	10.0	6.82
Lợi nhuận gộp	2.79	8.79	1.82	4.11	3.74
Doanh thu HĐTC	0.08	0.17	0.13	0.03	0.07
Chi phí TC	0.23	1.57	0.25	0.64	0.33
Chi phí lãi vay	0.23	1.57	0.25	0.59	0.33
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.51	0.18	0.73	0.80	0.39
Chi phí QLDN	2.48	1.50	2.57	2.53	2.40
LN thuần từ HĐKD	-0.35	5.71	-1.60	0.18	0.68
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.04	-0.13	-0.05	-0.01
LN trước thuế	-0.40	5.67	-1.73	0.13	0.68
Lợi nhuận sau thuế	-0.40	5.50	-1.73	0.13	0.68
LNST của CĐ cty mẹ	-0.40	5.41	-1.73	0.13	0.68

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.00	0	-2.21	-1.92	-4.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.05	0	-0.12	-0.01	-0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.06	0	2.62	1.12	3.68
Tiền đầu kỳ	0.20	0	0.67	0.97	0.04
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.11**	**0**	**0.30**	**-0.81**	**-0.53**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.04	0.67
Tiền cuối kỳ	0.10	0	0.97	0.20	0.18

(Nguồn: fireant.vn)